TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **212**/2025/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 18 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Liên.

Thư ký phiên họp: bà Nguyễn Thị Hương Loan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng tham gia phiên họp: bà Phạm Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng mở phiên họp sơ thẩm công khai để giải quyết việc dân sự thụ lý số: 194/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự sơ thẩm số: 518/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông **D N**, sinh năm 1971; quốc tịch: Thái Lan;

Hộ chiếu số: AD0xxx do Bộ N2 cấp ngày 18/01/2023.

Địa chỉ: Xã S, huyện M, tỉnh C, Thái Lan.

2. Bà **Thạch Thị Kim L**, sinh năm 1984; quốc tịch: Việt Nam;

Căn cước công dân số: 012345678910 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 23/10/2023.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, thành phố Đà Nẵng.

(Ông D N và bà Thạch Thị Kim L vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu và các văn bản có trong hồ sơ việc dân sự người yêu cầu là ông D N và bà Thạch Thị Kim L trình bày:

***- Về quan hệ hôn nhân*:** ông D N và bà Thạch Thị Kim L tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân tỉnh Q (cũ) cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số AB/2012, quyển số 01/2011 ngày 29 tháng 8 năm 2012.

Sau khi đăng ký kết hôn ông D N và bà Thạch Thị Kim L chung sống một thời gian ngắn tại Thôn Đ, xã N, thành phố Đà Nẵng thì bà Thạch Thị Kim L qua Thái Lan sinh sống và định cư cùng với ông D N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến

mâu thuẫn là do nhiều năm gần đây ông D N và bà Thạch Thị Kim L không liên lạc thường xuyên, không gặp nhau thời gian dài do tính chất công việc dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể tự giải quyết được. Hiện nay, tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, ông D N và bà Thạch Thị Kim L làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông D N và bà Thạch Thị Kim L.

- ***Về con chung*:** Ông D N và bà Thạch Thị Kim L xác nhận có 01 (một) con chung là cháu D Lin N1, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2012. Cháu D Lin N1, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2012 đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng được ở với cha là ông D N.

Ông D N và bà Thạch Thị Kim L thỏa thuận thống nhất sau khi ly hôn: Giao cháu D Lin N1, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2012 cho ông D N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu D Lin Na đủ 18 tuổi, trưởng thành.

- ***Về cấp dưỡng nuôi con chung:*** ông D N không yêu cầu bà Thạch Thị Kim L cấp dưỡng nuôi con chung.

- ***Về tài sản chung và nợ chung:*** ông D N và bà Thạch Thị Kim L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*** từ khi thụ lý đến khi mở phiên họp, Thẩm phán, Thư ký và người yêu cầu giải quyết việc dân sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết việc dân sự: căn cứ Điều 8, Điều 51, Điều 55, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 29, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn ông D N và bà Thạch Thị Kim L và giao cháu D Lin N1, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2012 cho ông D N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu D Lin Na đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông D N và bà Thạch Thị Kim L yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn. Bà Thạch Thị Kim L đăng ký thường trú tại Thôn Đ, xã N, thành phố Đà Nẵng. Hiện nay ông D N đang sinh sống và làm việc tại Thái Lan. Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Tại phiên họp, ông D N và bà Thạch Thị Kim L vắng mặt, tuy nhiên ông D N và bà Thạch Thị Kim L đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc hôn nhân và gia đình vắng mặt ông D N và bà Thạch Thị Kim L.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: ông D N và bà Thạch Thị Kim L tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 66/2012, quyển số 01/2011 ngày 29 tháng 8 năm 2012. Hôn nhân của ông D N và bà Thạch Thị Kim L là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, nay ông D N và bà Thạch Thị Kim L yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, ông D N và bà Thạch Thị Kim L hiện nay không sống chung, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông D N và bà Thạch Thị Kim L yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được công nhận.

[2.2] *Về nuôi con chung*: ông D N và bà Thạch Thị Kim L có 01 (một) con chung là cháu D Lin N1, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2012. Cháu D Lin N1, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2012 đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng được ở với cha là ông D N. Ông D N và bà Thạch Thị Kim L thỏa thuận thống nhất sau khi ly hôn: Giao cháu D Lin N1, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2012 cho ông D N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu D Lin Na đủ 18 tuổi, trưởng thành. Xét thấy, việc thỏa thuận giữa ông D N và bà Thạch Thị Kim L là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của con chung và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: ông D N không yêu cầu bà Thạch Thị Kim L cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] *Về tài sản chung và nợ chung*: ông D N và bà Thạch Thị Kim L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] *Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự*: bà Thạch Thị Kim L tự nguyện nhận nộp tất cả các khoản lệ phí, chi phí tố tụng theo thông báo của Toà án về việc công nhận thuận tình ly hôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 149, khoản 2 Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55, 81, 82, 83, 84, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của ông D N và bà Thạch Thị Kim L về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn"*.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông D N và bà Thạch Thị Kim L.

- *Về con chung*: Giao cháu D Lin N1, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2012 cho ông D N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu D Lin Na đủ 18 tuổi, trưởng thành.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: ông D N không yêu cầu bà Thạch Thị Kim L cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; không được lạm dụng quyền thăm nom con để làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con chung. Khi cần thiết thì một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. *Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự*: 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng),* bà Thạch Thị Kim L tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm mà bà Thạch Thị Kim L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000484x ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 5 – Đà Nẵng;
- THADS TP Đà Nẵng;
- UBND tỉnh Q;
(Số AB/2012; quyển số 01/2011)
- UBND xã N;
- Cơ quan đại diện Việt Nam tại Thái Lan;
- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Nguyễn Thị Liên